

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D từ các công ty Nhật Bản vào Việt Nam^(*)

VŨ ANH DŨNG*

HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH**

Tóm tắt: Bằng phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm nghiên cứu trường hợp, phỏng vấn sâu, kết hợp với tổng thuật các nguồn tài liệu thứ cấp, bài báo đã hệ thống hoá các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với nghiên cứu và phát triển (R&D) của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam, bao gồm các nhóm yếu tố từ phía Việt Nam: khả năng đổi mới sáng tạo quốc gia, kinh tế - xã hội, khung thể chế, các ưu đãi; các nhóm yếu tố từ bản thân các công ty Nhật Bản: khả năng tuyển dụng, năng lực của chi nhánh Việt Nam, đặc trưng của dự án R&D. Mô hình này sẽ là nền tảng để tiếp tục nghiên cứu đánh giá định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam, đồng thời là cơ sở để đề xuất các hàm ý chính sách trong lĩnh vực này.

Từ khoá: Doanh nghiệp Nhật Bản, FDI, FDI gắn với R&D, Việt Nam.

1. Giới thiệu

Các công ty Nhật Bản, mặc dù được biết đến là thực hiện rất ít các hoạt động cốt lõi ở nước ngoài, cũng đã dịch chuyển các hoạt động R&D sang các nước nhận đầu tư bởi các hạn chế về sự thay đổi của các yếu tố tự nhiên (động đất, sóng thần), chính trị (các quy định cứng nhắc trong môi trường kinh doanh), kinh tế (đồng yên tăng giá, chi phí lao động cao, giảm phát), và xã hội (dân số già hóa). Những sự thay đổi này có thể dẫn tới việc nhiều nhà máy bị đóng cửa, sản xuất

ngưng trệ, không chỉ kìm hãm sự phát triển kinh tế Nhật Bản mà còn có thể dẫn đến rủi ro sụp đổ chuỗi cung ứng toàn cầu. Tỷ lệ chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) của các công ty Nhật Bản được thực hiện ở nước ngoài tăng từ 5% đến 11% trong thời gian từ năm 1989 đến 2014 (Hall, 2010). Những năm gần đây, ASEAN, vốn được biết đến là địa điểm chiến lược trong đầu tư FDI của các công ty Nhật Bản, đã được quan tâm đặc biệt như một điểm đến tiềm năng cho hoạt động R&D của các công ty

*Đại học Việt - Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

**Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số QG.18.56

này. Tejima (2002) đã chỉ ra rằng các nước ASEAN có lợi thế trong việc thu hút hoạt động R&D của các công ty Nhật Bản.

Việt Nam, mặc dù luôn nhận nhiều vốn FDI từ các doanh nghiệp nước ngoài, tuy nhiên, đa số khoản đầu tư này chỉ tập trung vào hoạt động gia công với giá trị thấp. Vì vậy, mục tiêu và nhiệm vụ của Việt Nam là phải thu hút dòng vốn đầu tư theo chiều sâu, với hàm lượng công nghệ và giá trị cao, do vậy, thu hút FDI gắn với R&D đang trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu. Sự tăng trưởng của dòng vốn FDI gắn với R&D sẽ giúp Việt Nam có những bước chuyển mình nhanh chóng từ nền kinh tế sản xuất với giá trị gia tăng thấp đến một nền kinh tế có giá trị gia tăng cao. Nhật Bản luôn đứng thứ nhất hoặc thứ hai trong danh sách các nước có giá trị FDI lớn nhất vào Việt Nam. Chính vì vậy, Việt Nam cần phải nỗ lực cạnh tranh trực tiếp với các nước trong khu vực ASEAN để thu hút các FDI gắn với R&D của các công ty Nhật Bản. Từ vấn đề cấp thiết này, bài viết tập trung làm sáng tỏ và hệ thống hoá những yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D từ các công ty Nhật Bản vào Việt Nam, cũng như cách thức ảnh hưởng của các yếu tố này.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn địa điểm phân tán R&D của các công ty Nhật Bản

Odagiri & Yasuda (1996), trong một nghiên cứu về các công ty Nhật Bản với các quy mô khác nhau tại Mỹ, Anh và các nước ASEAN đã chỉ ra hoạt động R&D của các hãng Nhật Bản ở Mỹ và Anh nhằm khai thác môi trường khoa học - công nghệ dẫn đầu thế giới, trong khi các hoạt động R&D ở ASEAN nhằm mục đích hỗ trợ sản xuất địa phương, tận dụng nhân công giá rẻ, khoảng cách địa lý gần với Nhật Bản. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng quy mô thị trường của nước nhận đầu tư là yếu tố dẫn đến quyết định phân tán R&D ở nước đó, đặc biệt trong trường hợp nước nhận đầu tư là các nước ASEAN.

Kumar (2001), trong cuộc khảo sát đối với các công ty Mỹ và Nhật Bản đã kết luận rằng quy mô

thị trường, tính sẵn có và chi phí nhân lực, chuyên môn về công nghệ của nước chủ nhà tác động đến quyết định chọn địa điểm phân tán R&D của các công ty này. Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) của nước nhận đầu tư có ảnh hưởng đáng kể trong trường hợp nước nhận đầu tư là nước công nghiệp hóa, trong khi yếu tố này không ảnh hưởng đáng kể khi quốc gia này là nước đang phát triển, bởi vì mục đích phân tán R&D ở đó là để thích ứng với thị trường địa phương và hỗ trợ sản xuất trong nước chứ không phải để trực tiếp phát triển sản phẩm mới. Kết quả cho thấy hai biến về chính trị bao gồm yếu tố chính sách và tính mở của chế độ thương mại không đóng một vai trò quan trọng trong việc thu hút R&D ở nước ngoài.

Nghiên cứu của Shimizatani & Todo (2008) chỉ ra rằng doanh số bán hàng, quy mô và kinh nghiệm, cũng như số năm hoạt động của chi nhánh ở nước nhận đầu tư, khoảng cách từ chi nhánh đó đến Tokyo, GDP của nước nhận đầu tư là các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động R&D ở nước ngoài, từ đó ảnh hưởng đến quyết định phân tán R&D ở nước đó.

Các nghiên cứu trước đã đề cập đến xu hướng phân tán R&D cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến việc phân tán R&D của các công ty, tuy nhiên, những công trình này hầu hết chỉ dừng lại ở việc liệt kê các yếu tố mà không hệ thống hoá lại các yếu tố đó. Đa số các nghiên cứu chỉ đề cập đến các yếu tố liên quan đến nước nhận đầu tư, mà không tập trung vào cả hai chủ thể là nước nhận đầu tư và nhà đầu tư. Nhiều công trình nghiên cứu về nước nhận đầu tư là các nước phát triển, cũng có các công trình mà nước nhận đầu tư là các nước đang phát triển như Chile, Trung Quốc, Ấn Độ (Arbeit & Chatzidelis, 2007; José Guimón & cộng sự, 2017). Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào tập trung vào việc thu hút R&D FDI vào Việt Nam.

Bảng 1 dưới đây là bảng tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn địa điểm phân tán R&D của các công ty FDI.

Bảng 1: Bảng tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn địa điểm phân tán R&D

Nhóm yếu tố	Yếu tố	Yếu tố phụ	Mô tả
Năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia	Khả năng sáng tạo công nghệ		Số lượng bằng sáng chế, bài nghiên cứu
	Cơ sở hạ tầng công nghệ	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật nghiên cứu	Các tổ chức “khuyến tán tri thức” như các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, viện khoa học ...
		Cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông	Hệ thống giao thông liên lạc, nguồn điện đảm bảo
	Mức độ hợp tác và kết nối giữa các cơ quan hỗ trợ đổi mới sáng tạo quốc gia và các doanh nghiệp		
	Khả năng phát triển kỹ năng của lao động	Chất lượng nguồn nhân lực	Thể hiện qua tỷ lệ tuyển sinh kỹ sư, số năm học trung bình, tỷ lệ biết chữ
		Trình độ tiếng Anh	
		Sự trở lại của người tài từ nước ngoài	Điều này có thể mang lại lợi ích về chuyển giao công nghệ, cách thức tổ chức và quản lý các hoạt động R&D, thậm chí kết nối các nhà sản xuất ở trong nước với thị trường và mạng lưới các nền kinh tế phát triển
Kinh tế xã hội	Quy mô thị trường		
	Sự sẵn có và chi phí lao động		
	Sự tương đồng về văn hoá và thể chế		
Quyền sở hữu trí tuệ			Quyền được bảo vệ các tài sản trí tuệ, bao gồm bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu, thiết kế độc quyền, bí mật thương mại
Khung thể chế	Độ mở của chính sách thương mại		Mức độ bảo hộ của chính sách hạn chế thương mại
	Sự ổn định chính trị		
	Thủ tục hành chính		Thủ tục về đất đai, phê duyệt giấy phép đầu tư, thủ tục thẩm định dự án và bằng sáng chế
	Tài liệu tham khảo chính thức		Các tài liệu hướng dẫn được nước chủ nhà công bố và phát hành nhằm hướng dẫn các doanh nghiệp có ý định đầu tư FDI gắn với R&D
	Cơ quan xúc tiến đầu tư		Thúc đẩy giao dịch thương mại, tìm kiếm cơ hội đầu tư và đề xuất chính sách thu hút đầu tư thông

			qua việc xây dựng hình ảnh quốc gia như một địa điểm cung cấp dịch vụ trước và trong khi tiến hành đầu tư R&D, nhấn mạnh các dịch vụ chăm sóc sau đầu tư, và vận động chính sách
Chính sách ưu đãi	Chính sách tài khoá	Khấu hao nhanh thiết bị	Phương pháp tính số tiền khấu hao tài sản trong những năm đầu tăng nhiều hơn những năm sau, nhằm trì hoãn một cách hợp pháp việc đóng thuế, nhờ đó doanh nghiệp giữ lại những khoản tiền cần thiết để mở rộng kinh doanh
		Tín dụng thuế	Tín dụng thuế là một ưu đãi thuế cho phép người nộp thuế trừ số tiền tín dụng mà họ đã tích lũy từ tổng số tiền họ nợ nhà nước
		Thời gian miễn thuế	Giảm hoặc miễn thuế một thời gian cho đầu tư vào các ngành hay khu vực chọn lọc
		Miễn thuế nhập khẩu	Miễn thuế cho máy móc thiết bị và nguyên liệu nhập khẩu
	Chính sách tài chính		Chính phủ trực tiếp tài trợ cho các dự án R&D thông qua các khoản trợ cấp, cho vay ưu đãi hoặc cổ phần
Chiến lược của công ty	Tìm kiếm công nghệ		
	R&D khai thác		Doanh nghiệp tập trung vào mục đích thích nghi với thị trường địa phương bằng cách phát triển sản phẩm phù hợp với thị trường địa phương và phát triển quá trình phù hợp với sản xuất địa phương
	R&D mở rộng		Doanh nghiệp tập trung tìm kiếm các tri thức sẵn có tại thị trường địa phương, từ đó thúc đẩy quá trình nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng
	Tìm kiếm thị trường		
Năng lực của chi nhánh	Năng lực quản lý ở chi nhánh		
	Khả năng chuyển giao tri thức		
	Khả năng tiếp thu		Khả năng tiếp nhận và khai thác tri thức từ công ty mẹ hoặc môi trường nước ngoài
Đối thủ	Sự hiện diện của đối thủ ở nước đầu tư		
	Hoạt động thiết kế và kỹ thuật của đối thủ cạnh tranh		
Đặc trưng	Tính thường xuyên		Nhiệm vụ thường xuyên của dự án R&D có thể được thực hiện bằng cách làm theo các bộ quy tắc, kiến thức trong những nhiệm vụ này là rõ

của dự án R&D			ràng, dễ dàng chuyển giao hơn so với nhiệm vụ phức tạp
	Sự tương tác		Việc không hiểu ý giữa các bên có thể gây ra phát sinh chi phí cho doanh nghiệp, vì vậy, nói cùng một ngôn ngữ và có văn hoá kinh doanh tương đồng sẽ thúc đẩy sự thành công của dự án R&D
	Tính đổi mới sáng tạo		Những dự án có tính đổi mới sáng tạo cao, như những dự án nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu phát triển
	Tốc độ hoàn thành		Bất kỳ sự chậm trễ nào của quá trình phát triển cũng có thể dẫn tới việc phát sinh chi phí hay mất cơ hội kinh doanh
	Chất lượng hoàn thành của dự án		Đóng vai trò then chốt trong việc cạnh tranh với đối thủ
	Phân loại dự án	Các/hoạt động cốt lõi	Hoạt động mà hãng làm tốt hơn các hãng khác
		Các hoạt động cần thiết	Hoạt động cần có để duy trì việc tạo ra lợi nhuận; nếu không thực hiện tốt hãng có thể chịu rủi ro
		Các hoạt động không cốt lõi	Hoạt động mà hãng không có lợi thế cạnh tranh, dễ dàng thuê ngoài

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp.

Cách phân nhóm các yếu tố, ngoài dựa trên phân loại từ các nghiên cứu trước (Guimón, 2009; Veliyath & Sambharya, 2011; Rodgers, 2017; Yang & Maskus, 2009), tác giả dựa vào định nghĩa và nội hàm của tên gọi để nhóm các yếu tố một cách hệ thống hoá.

3. Câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu của bài viết là để trả lời cho câu hỏi: “Các yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam? Chúng có ảnh hưởng như thế nào? Và hệ thống hoá lại các yếu tố đó một cách logic?”. Phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên việc sử dụng các tài liệu thứ cấp (thống kê của các tổ chức chính phủ và tổ chức nghiên cứu), nghiên cứu trường hợp đối với 2 công ty Nhật Bản đang hoạt động R&D ở Việt Nam (dựa trên phỏng vấn sâu với CEO và thông tin thứ cấp trên website, kỷ yếu công ty...), và phỏng vấn sâu với hai

chuyên gia người Nhật có kinh nghiệm và hiểu biết về quyết định đầu tư R&D ra nước ngoài của các công ty Nhật Bản. Phương pháp này giúp làm sáng tỏ cách thức và tại sao mà các yếu tố đưa ra ảnh hưởng đến việc công ty Nhật Bản có thể chọn địa điểm đầu tư là Việt Nam, thông qua việc khai thác sự am hiểu và mô tả của các CEO cũng như các chuyên gia được chọn.

Các cuộc phỏng vấn trực tiếp kéo dài từ 1 tiếng rưỡi đến 2 tiếng theo hình thức bán cấu trúc với các câu hỏi mở và các câu hỏi lựa chọn được chuẩn bị dựa trên việc tổng hợp tài liệu tham khảo. Nội dung và thứ tự câu hỏi có thể thay đổi linh hoạt với hoàn cảnh, tính chất của buổi phỏng vấn. Những người được phỏng vấn sẽ được đảm bảo nặc danh để họ có thể thoải mái khi đưa ra các quan điểm cá nhân, theo đó, 2 công ty lần lượt được gọi là C1, C2 và 2 chuyên gia (experts) lần lượt được gọi là E1, E2.

C1 là một trong các công ty sản xuất ô tô lớn nhất của Nhật Bản. Năm 2001, C1 thành lập chi nhánh tại Việt Nam, đây là chi nhánh nước ngoài đầu tiên phụ trách về R&D của công ty, chịu trách nhiệm nghiên cứu và triển khai hầu hết các bộ phận cấu tạo ô tô. Đến nay, chi nhánh C1 tại Việt Nam có khoảng 2.100 công nhân viên, trong đó khoảng 2000 người là kỹ sư, bao gồm 60 kỹ sư Nhật Bản, còn lại là Việt Nam. Công ty hầu như chỉ tuyển nhân công ở bậc đại học.

C2 là một trong những công ty viễn thông lớn nhất của Nhật Bản. Công ty này bắt đầu thực hiện các dự án ở Việt Nam từ 1998, nhằm xây dựng và phát triển hệ thống viễn thông ở Hà Nội với 250 km đường cáp quang. 15 năm sau thành công của dự án này, C2 mở văn phòng tại Hà Nội. Tuy chưa thành lập trung tâm nghiên cứu tại Việt Nam, hiện nay, C2 Việt Nam và một công ty viễn thông lớn ở Việt Nam đang thực hiện hai dự án R&D tại Việt Nam, bao gồm dự án giáo dục thông minh và thành phố thông minh.

Dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn và các nguồn thứ cấp sẽ được phân tích trong từng trường hợp và phân tích chéo để nhìn nhận và so sánh các thông tin dưới những góc nhìn đa chiều và sâu sắc hơn.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Trình bày số liệu

Dữ liệu được trình bày dưới đây là kết quả của việc tổng hợp các tài liệu thống kê và phỏng vấn CEO, cũng như các chuyên gia về các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút R&D gắn với FDI của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam sau khi tiến hành phân tích từng trường hợp.

Các yếu tố từ phía Việt Nam

Năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia

Thông qua hai nghiên cứu trường hợp, năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia là nhóm yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến thu hút FDI gắn với R&D từ các công ty Nhật Bản vào Việt Nam, thể hiện ở hai yếu tố thành phần dưới đây.

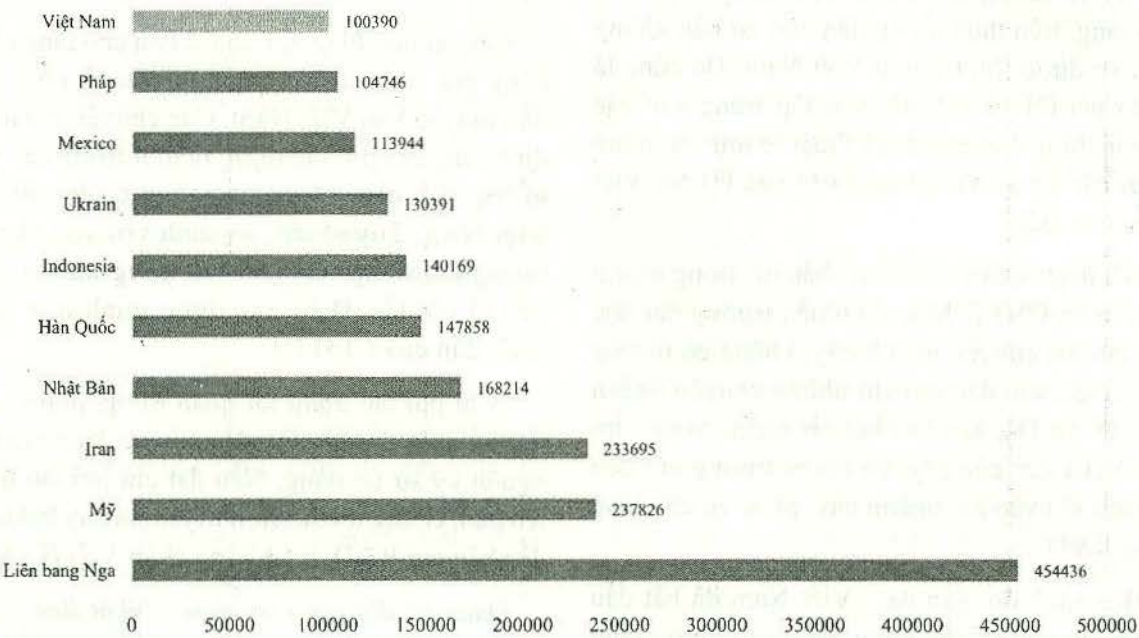
Khả năng phát triển kỹ năng của lao động. Ở cả hai trường hợp, yếu tố này, được thể hiện thông qua: i) chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực trong các ngành điện tử và công nghệ thông tin (CNTT); ii) khả năng ngoại ngữ là tiêu chí quan trọng nhất để các công ty Nhật Bản phân tán hoạt động R&D tại Việt Nam. Chất lượng nhân lực là yếu tố khiến C1 thiết lập trung tâm R&D tại Việt Nam, và cũng là yếu tố dẫn đến việc C2 vẫn chưa nhưng sẽ thiết lập trung tâm R&D tại Việt Nam. Các trích dẫn dưới đây đã chứng minh điều này:

“C1 tiến hành R&D tại Việt Nam vì nguồn kỹ sư tài năng ở đây. Kỹ sư Việt Nam rất giỏi trong hai lĩnh vực, bao gồm vận hành hệ thống điều khiển điện tử và phần mềm CNTT (CEO của C1 Việt Nam).”

“Lao động chất lượng cao là điều kiện tiên quyết để chúng tôi tiến hành R&D tại Việt Nam. Hiện tại, chất lượng nhân lực ngành CNTT của Việt Nam rất tốt, tuy nhiên, đối với ngành viễn thông, tại thời điểm này, lượng kỹ sư là chưa đủ để áp dụng nếu chúng tôi thành lập trung tâm R&D ở đây. R&D ở Việt Nam hiện nay chỉ là các hoạt động nghiên cứu và phát triển dựa trên các công nghệ đã có sẵn tại Nhật Bản. Tuy nhiên, chúng tôi dự định sẽ thành lập một trung tâm R&D ở Việt Nam trong thời gian tới (CEO của C2 Việt Nam).”

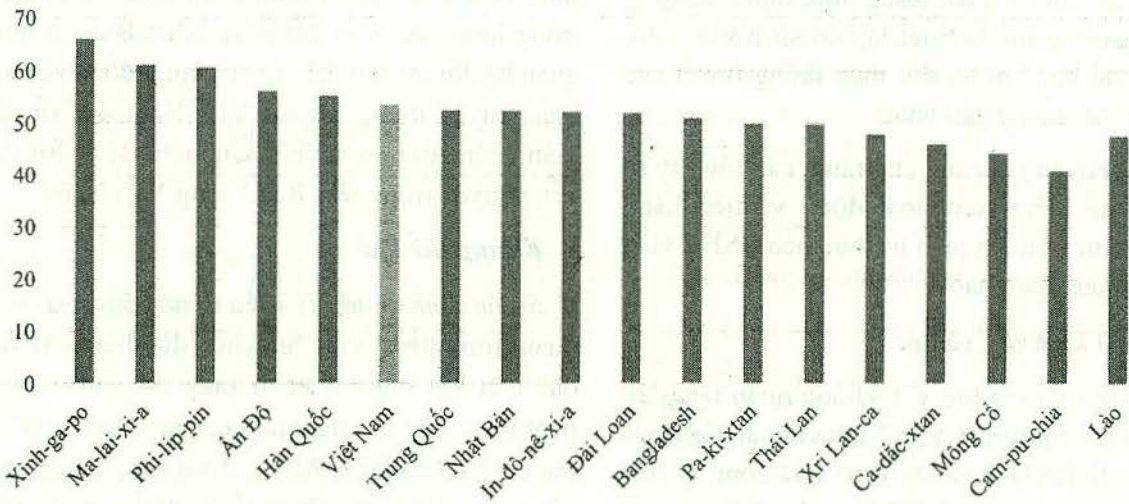
Có thể thấy, các công ty Nhật Bản đánh giá rất cao khả năng của kỹ sư Việt Nam trong ngành điện tử và CNTT. C1 cần các kỹ sư trong hai ngành này, và công việc R&D liên quan đến hai ngành này là mới và rất phù hợp với Việt Nam, trong khi R&D các phần như vỏ xe, thân xe và các bộ phận lớn của ô tô đã được làm rất tốt bởi các nước khác. Diễn đàn Kinh tế thế giới (2015) đã cung cấp số liệu từ 124 nền kinh tế về số kỹ sư tốt nghiệp, Việt Nam được đánh giá cao khi ở vị trí số 10.

**Hình 1: Nhóm 10 quốc gia với lượng kỹ sư tốt nghiệp lớn nhất
(dựa trên số người tốt nghiệp hàng năm)**



Nguồn: Diễn đàn Kinh tế thế giới (2015)/ Viện thống kê Liên hợp quốc.
Ghi chú: Xếp hạng 124 quốc gia, không bao gồm số liệu của Trung Quốc và Ấn Độ.

**Hình 2: Chỉ số năng lực tiếng Anh ở các nước châu Á
Đơn vị: %**



Nguồn: EF English Proficiency Index (2018).

Cơ sở hạ tầng công nghệ (CSHTCN). Về CSHT phục vụ nghiên cứu, các công ty này đều quan tâm đến các trường đại học đào tạo về kỹ thuật, nơi tiến hành nghiên cứu cơ bản và đào tạo các kỹ sư tương lai. Tuy nhiên, chuyên gia E1 cho rằng, trên thực tế, nghiên cứu cơ bản không thực sự được chú trọng ở Việt Nam. Đó cũng là lý do mà C1 và C2 chủ yếu tập trung vào các trường đứng đầu ngành kỹ thuật vì mục đích tìm kiếm các kỹ sư tài năng. CEO của C1 tại Việt Nam cho rằng:

“Chúng tôi cần tìm kiếm nhân lực trong ngành điện tử và CNTT. Mặc dù nhiều trường đại học đào tạo hai chuyên ngành này, không có trường nào đi sâu vào đào tạo chỉ những chuyên ngành này. Ở Ấn Độ, nơi thu hút rất nhiều trung tâm R&D của các công ty, có nhiều trường chỉ đào chuyên sâu vào hai ngành này, phục vụ cho hoạt động R&D”.

Bên cạnh đó, gần đây, Việt Nam đã bắt đầu thành lập những khu công nghệ cao, được thiết kế cho việc đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm, bao gồm các toà nhà, trang thiết bị, viện nghiên cứu và trung tâm tư vấn. Chuyên gia E2 cho rằng đây là điều kiện tốt để thu hút R&D FDI. C1 đã đặt trung tâm R&D ở một khu công nghệ cao, C2 cũng muốn thiết lập một trung tâm nghiên cứu ở đây vì được chào đón bằng các điều kiện thuận lợi và quan trọng hơn, nhiều công ty cùng ngành cũng đã thiết lập cơ sở R&D ở đó, C2 có thể học hỏi và thu thập thông tin từ các công ty này nếu ở gần nhau.

Các chuyên gia cũng cho rằng, các công ty sẽ không thể kiểm soát hoạt động và tiến hành nghiên cứu, chuyển giao tri thức nếu CSHT viễn thông không đảm bảo.

Yếu tố kinh tế - xã hội

Quy mô thị trường. C1 không quan tâm đến quy mô thị trường Việt Nam vì hoạt động của công ty là R&D theo chỉ định của công ty mẹ, sản phẩm của quá trình R&D sẽ được chuyển về công ty mẹ và các chi nhánh khác, không phục

vụ thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, vì các hoạt động R&D của C2 phát triển sản phẩm phù hợp với thị trường Việt Nam, phục vụ thị trường Việt Nam nên quy mô thị trường là yếu tố rất quan trọng để C2 tiến hành R&D tại Việt Nam.

Chi phí lao động. C1 và C2 đều cho rằng nhân công giá rẻ là một trong các yếu tố khiến họ đầu tư R&D tại Việt Nam. Các chuyên gia nhận định rằng chi phí lao động là một trong các yếu tố hấp dẫn nhất khiến các công ty đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, so sánh với yếu tố chất lượng lao động, chi phí lao động không phải yếu tố cốt lõi. Điều này được minh họa bằng trích dẫn của CEO C1:

“Chi phí lao động rất quan trọng, nhưng yếu tố chủ chốt thu hút C1 đầu tư vào Việt Nam là nguồn kỹ sư tài năng. Nếu đặt chi phí lao động lên đầu, chúng tôi đã chọn Myanmar hay Pakistan để phân tán R&D, mà không chọn Việt Nam”.

Quan hệ đối tác Việt Nam - Nhật Bản. CEO của C1 cho rằng đây là yếu tố tích cực để Việt Nam thu hút đầu tư nói chung và R&D nói riêng từ Công ty Nhật Bản. Điều này đã được thể hiện qua:

“Vào những năm 2000, C1 có ý định thành lập trung tâm R&D ở Trung Quốc, song vì vấn đề chính trị giữa hai quốc gia, nhiều rủi ro được dự tính, chúng tôi quyết định chọn một nước khác trong khu vực. Việt Nam và Nhật Bản có mối quan hệ đối tác lâu dài với sự tương đồng về văn hoá, truyền thống; người Việt Nam đối xử rất thân thiện với người Nhật, chúng tôi sẽ có lợi thế nếu chuyển trung tâm R&D sang Việt Nam”.

Khung thể chế

Sự ổn định chính trị. Yếu tố này được xem là quan trọng trong việc lựa chọn địa điểm đầu tư, đặc biệt khi muốn đầu tư sang các nước đang phát triển. Chi phí để thiết lập trung tâm R&D ở nước ngoài của một MNC là rất lớn, vì vậy, họ cần một môi trường chính trị ổn định ở nước đầu tư để có thể hoạt động trong dài hạn.

Quy định và thủ tục hành chính. Có thể nói, yếu tố này là một rào cản để các công ty đầu tư ở Việt Nam, cũng như đây là khó khăn các công ty phải đối mặt khi đang hoạt động tại Việt Nam:

“Các quy định của Việt Nam không rõ ràng và khó hiểu. Các ban ngành chức năng không có sự liên kết với nhau. Thủ tục hành chính quá phức tạp và gây tốn nhiều thời gian (CEO của C1)”.

CEO của C2 đề cập đến những khó khăn bởi sự khác nhau trong hệ thống kiểm soát tài chính giữa hai nước, vì hệ thống kế toán hai nước là hoàn toàn khác nhau.

Chính sách ưu đãi

Ưu đãi về chính sách tài khoá. Các công ty đang được hưởng những mức ưu đãi thuế lớn nhất khi đầu tư R&D ở Việt Nam. Ví dụ, thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ 10% trong 15 năm, được miễn trong 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Trong khi cả C1 và C2 đều rất chú ý đến tín dụng thuế, hai công ty không quan tâm nhiều đến thời gian miễn thuế và miễn thuế nhập khẩu. Mặc dù nhận được nhiều ưu đãi thuế, chuyên gia E2 chỉ ra một vài điểm tiêu cực trong vấn đề này:

“Các công ty Nhật có chút băn khoăn về vấn đề thuế trong xuất nhập khẩu. Theo quy định, thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại khi doanh nghiệp xuất khẩu, tuy nhiên, nhiều Công ty đã kiến nghị rằng họ không được hoàn thuế”.

Thực tế, nhận ưu đãi thuế là rất quan trọng. Tuy nhiên, đây không phải yếu tố hàng đầu để các công ty xem xét khi đầu tư vào Việt Nam. Các CEO giải thích rằng, về bản chất, các hoạt động R&D sẽ không phải trả thuế, vì những hoạt động này không trực tiếp mang lại lợi nhuận. Mặt khác, các chi phí nhân công, vật liệu, thiết bị cho R&D cũng đã phải trả các loại thuế khác nhau.

Ưu đãi tài chính. C1, C2 và các chuyên gia đều nhận định rằng các công ty Nhật rất quan tâm đến các ưu đãi này, đặc biệt đối với quyền sử dụng đất.

Các yếu tố từ phía các công ty Nhật Bản

Khả năng tuyển dụng lao động

Yếu tố này được CEO C1 đánh giá là yếu tố quan trọng nhất để C1 thiết lập trung tâm R&D tại Việt Nam. Bên cạnh lực lượng kỹ sư tài năng sẵn có, trên hết, C1 có khả năng tuyển dụng những kỹ sư này từ các trường đại học đầu Việt Nam. Liên quan đến vấn đề này là sự hiện diện của đối thủ của C1 tại Việt Nam. CEO của C1 giải thích:

“Trung tâm R&D ở Việt Nam là trung tâm lớn nhất trong khu vực, và có lượng kỹ sư lớn nhất trên phạm vi toàn cầu. Vậy tại sao quy mô R&D của C1 tại Việt Nam lại lớn như vậy? Như đề cập ở trên, những năm 2000, sau khi quyết định không đầu tư ở Trung Quốc mà chuyển sang nước khác, Thái Lan cũng là lựa chọn vì tài năng và sự sẵn có của kỹ sư tại thời điểm đó. Tuy nhiên, bởi vì nhiều đối thủ trong ngành đã thiết lập trung tâm R&D ở đó, khiến C1 khó khăn để cạnh tranh tuyển dụng. Vì vậy, Việt Nam là sự lựa chọn thích hợp để phân tán R&D, cũng như mở rộng quy mô R&D trong tương lai”.

Khả năng của chi nhánh Việt Nam

Khi xem xét về quyết định đầu tư R&D vào Việt Nam, các công ty Nhật Bản xem xét khả năng của chi nhánh Việt Nam dựa trên khả năng chuyển giao và khả năng tiếp thu tri thức. Khả năng của chi nhánh C1 Việt Nam được công ty mẹ đánh giá rất cao. Chi nhánh này làm rất tốt việc nhận thức, khai thác kiến thức từ công ty mẹ hay các chi nhánh ở nước khác, cũng như việc chuyển giao tri thức đến các chi nhánh khác trong khu vực.

Đặc trưng dự án R&D

Các hoạt động R&D ở Việt Nam được C1 chi định dựa trên đặc trưng của dự án. Các dự án liên quan nhiều đến sự tương tác, tốc độ hoàn thành, chất lượng hoàn thành sẽ được tiến hành ở Việt Nam. Thứ nhất, nhờ khả năng sử dụng tốt tiếng Anh và tiếng Nhật của các kỹ sư, cũng như sự tương đồng văn hoá giữa hai quốc gia, chi nhánh

Việt Nam có thể chịu trách nhiệm cho các dự án đòi hỏi sự tương tác cao. Thứ hai, CEO C1 cho biết: “Số lượng lớn kỹ sư với khả năng sáng tạo tốt, được đánh giá cao hơn cả khả năng sáng tạo của các kỹ sư ở công ty mẹ, Việt Nam cũng là sự lựa chọn hàng đầu cho các dự án đòi hỏi tốc độ hoàn thành và chất lượng cao. Chất lượng dự án được kiểm tra hàng năm bởi phía Nhật Bản, về kết quả cho thấy chất lượng đang được tiến bộ qua từng năm.” Đôi khi, công ty phân tán hoạt động R&D thông qua phân loại dự án với cách phân loại dựa trên tầm quan trọng của các hoạt động đối với kết quả của dự án. Trong đó, các

hoạt động cốt lõi và quan trọng sẽ được tiến hành tại Việt Nam.

4.2. Xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI gắn với R&D từ các công ty Nhật Bản vào Việt Nam

Dựa vào dữ liệu định tính từ các cuộc phỏng vấn, số liệu thứ cấp đã trình bày phía trên, tác giả đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D từ các công ty Nhật Bản vào Việt Nam. Các nhóm yếu tố được nhóm thành các yếu tố từ phía Việt Nam và các yếu tố từ các MNCs Nhật Bản như sau:

	Nhóm yếu tố	Yếu tố ảnh hưởng	Yếu tố phụ
Việt Nam	Khả năng đổi mới sáng tạo quốc gia	Khả năng phát triển kỹ năng của lao động	Kỹ sư tài năng
			Kỹ năng tiếng Nhật
			Kỹ năng tiếng Anh
			CSHT nghiên cứu
			CSHT viễn thông
	Kinh tế - xã hội	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật (CSHTKT)	
		Chi phí lao động	
		Quy mô thị trường	
	Khung thể chế	Quan hệ đối tác Việt – Nhật	
		Sự ổn định chính trị	
		Thủ tục hành chính	
		Tài liệu tham khảo chính thức	
MNC Nhật	Chính sách ưu đãi	Cơ quan xúc tiến đầu tư	
		Ưu đãi tài khoá	Tín dụng, thuế
			Thời gian miễn thuế
			Miễn trừ thuế nhập khẩu
	Khả năng tuyển dụng	Ưu đãi tài chính	Quyền sử dụng đất
		Khả năng của chi nhánh Việt Nam	
		Khả năng tiếp thu	
		Khả năng chuyển giao tri thức	
		Đặc trưng của dự án	
		Tính tương tác	
		Tốc độ hoàn thành	
		Chất lượng hoàn thành	
		Phân loại dự án	Hoạt động cốt lõi
			Hoạt động quan trọng
			Hoạt động không cốt lõi

5. Thảo luận và hàm ý chính sách

Nhìn chung, đa số các yếu tố được tổng hợp từ các nghiên cứu trước đều ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam, trong đó, các yếu tố liên quan đến năng lực lao động được đánh giá ở mức cao nhất.

Kết quả đề cao vai trò của nhóm yếu tố năng lực sáng tạo quốc gia trong việc thu hút các công ty Nhật Bản vào Việt Nam (Veliyath & Sambharya, 2011), trong đó, tầm quan trọng của khả năng phát triển kỹ năng của lao động được nhấn mạnh nhiều lần (Lewin & cộng sự, 2009) so với yếu tố CSHTKT. Đó là bởi vì Việt Nam không thể cạnh tranh với các nước phát triển hay một số nước khác trong khu vực về CSHTKT, cả ở quy mô và sự đa dạng. Đối với yếu tố nhân lực, lao động Việt Nam, bên cạnh số lượng lớn, cũng luôn được đánh giá cao về sự thông minh và sáng tạo, đặc biệt ở hai lĩnh vực mà các công ty Nhật Bản đang có nhu cầu tìm kiếm, bao gồm điện tử và công nghệ thông tin (CNTT). Vì vậy, Việt Nam cần nâng cao chất lượng lao động, đặc biệt trong hai ngành trên bằng cách thành lập những trường đại học chỉ đào tạo sâu các ngành này, không chỉ tập trung vào lý thuyết, mà phải tăng cường thực hành và ứng dụng; các trường đại học nên hợp tác với các doanh nghiệp để tổ chức các chương trình thực tập cho sinh viên. Đối với yếu tố cơ sở hạ tầng (CSHT), Chính phủ nên hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và phát triển CSHT cho hoạt động R&D, đặc biệt là các khu công nghệ cao, nơi cung cấp các trang thiết bị cần thiết cho hoạt động R&D; cải thiện CSHT viễn thông, tăng cường kết nối trong nước và các khu vực quốc tế.

Ở kết quả nghiên cứu, mặc dù các yếu tố kinh tế - xã hội như quy mô thị trường, chi phí lao

động không phải là yếu tố chính, tuy nhiên, đó là những yếu tố quan trọng để Việt Nam, cũng như các nước đang phát triển thu hút đầu tư R&D (Kumar, 2001; Athukorala & Kohpaiboon, 2010) bởi vì chi phí lao động rẻ giúp các công ty tiết kiệm được nhiều chi phí, tăng khả năng cạnh tranh. Quy mô thị trường, mặc dù không ảnh hưởng đến quyết định chọn Việt Nam của C1, nhưng rất ảnh hưởng đến quyết định của C2 và các công ty muốn tiến hành hoạt động R&D khai thác để thích nghi với thị trường địa phương. Vì vậy, có thể nói yếu tố này có quan hệ trực tiếp với vai trò của chi nhánh Việt Nam trong chuỗi giá trị, cũng như chiến lược của công ty.

Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) của nước nhận đầu tư, được chỉ ra là một trong các yếu tố then chốt để thu hút R&D FDI. Tuy nhiên, đối với trường hợp Việt Nam, các công ty Nhật Bản không đề cao yếu tố này vì: thứ nhất, các công ty trong nước của Việt Nam khó có thể bắt chước được công nghệ của Nhật Bản; thứ hai, đa số các công ty R&D tại Việt Nam để thích nghi thị trường, không tạo ra công nghệ hoàn toàn mới. Tuy nhiên, với mục tiêu trở thành môi trường đầu tư R&D FDI trong dài hạn, Việt Nam cần tăng cường chính sách đầu bảo vệ quyền SHTT, đặc biệt tập trung vào SHTT trong R&D.

Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, ưu đãi là cách dễ nhất Chính phủ có thể làm để thu hút R&D. Các chuyên gia cũng nhận định ưu đãi các công ty được hưởng khi đầu tư R&D vào Việt Nam là rất lớn. Tuy nhiên, mặc dù các ưu đãi đưa ra là đáng kể, việc thực hiện các chính sách này đôi khi vẫn chưa đúng với những gì đã đưa ra, đặc biệt đối với vấn đề hoàn thuế. Vì vậy, Việt Nam cần rà soát lại tình trạng nộp và hoàn thuế, tránh để mất uy tín với các nhà đầu tư. Hơn nữa, bên cạnh sự đa dạng các

ưu đãi cho công ty, Việt Nam cần đánh giá các yếu tố hay ưu đãi nào ảnh hưởng tích cực đến việc thu hút các công ty Nhật Bản để tránh lãng phí khi đưa ra các ưu đãi mà không mang lại hiệu quả.

6. Kết luận

Bài viết đã tổng quan các nghiên cứu về R&D, FDI, MNC, FDI gắn với R&D. Trong khi các nghiên cứu trước tập trung vào việc định nghĩa và liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến phân tán R&D bằng cách sử dụng nghiên cứu trường hợp đối với hai công ty Nhật Bản và

phỏng vấn sâu với hai chuyên gia, cũng như kết hợp với sử dụng các nguồn tài liệu thứ cấp, bài viết đã hệ thống hoá các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút FDI gắn với R&D của công ty Nhật Bản tại Việt Nam, cũng như giải thích về sự ảnh hưởng của các yếu tố này. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình giả định về các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI gắn với R&D của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam. Mô hình này là cơ sở để nghiên cứu tiếp theo có thể vận dụng kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút R&D FDI của các công ty Nhật Bản vào Việt Nam trong thời gian tới♦

Tài liệu tham khảo:

1. Arbeit, F., & Chatzidelis, A. (2007): *India 's policies to attract FDI in R & D*, (September).
2. Athreye, S., Batsakis, G., & Singh, S. (2016): *Local, global, and internal knowledge sourcing: The trilemma of foreign-based R&D subsidiaries*, Journal of Business Research, 69(12), 5694–5702.
3. Athukorala, P. C., & Kohpaiboon, A. (2010): *Globalization of R & D by US-based multinational enterprises*, Research Policy, 39(10), pp. 1335 – 1347.
4. Cantwell, J. (2017): *Innovation and international business*, Industry and Innovation, 24(1), 41–60.
5. Frascati Manual. (2015): *Concepts and definitions for identifying R & D*.
6. Guimon, J. (2013). National Policies to Attract R & D- intensive FDI in Developing Countries. *World Bank*, (OECD 2011), 1–15.
7. Guimón, J., Chaminade, C., Maggi, C., & Salazar-Elena, J. C. (2017): *Policies to Attract R&D-related FDI in Small Emerging Countries: Aligning Incentives With Local Linkages and Absorptive Capacities in Chile*. Journal of International Management, (September), 0–1.
8. Hall, B. H. (2010): *The Internationalization of R&D*, Technology, (1), 1–12.
9. Kafourous, M., Wang, C., Mavroudi, E., Hong, J., & Katsikeas, C. S. (2018): *Geographic dispersion and co-location in global R&D portfolios: Consequences for firm performance*. Research Policy, (April).
10. Kasahara, H., Shimotsu, K., & Suzuki, M. (2014): *Does an R&D tax credit affect R&D expenditure? The Japanese R&D tax credit reform in 2003*, Journal of the Japanese and International Economies, 31(23530249), 72–97.
11. Kuemmerle, W. (1997): *Building Effective R&D Capabilities Abroad*, Harvard Business Review, 59–70.
12. Kuemmerle, W. (1999): *Foreign direct investment in industrial research in the pharmaceutical*

- and electronics industries — results from a survey of multinational firms.
13. Kumar, N. (2001): *Determinants of location of overseas R&D activity of multinational enterprises: The case of US and Japanese corporations*, Research Policy, 30(1), 159–174. [https://www.doi.org/10.1016/S0048-7333\(99\)00102-X](https://www.doi.org/10.1016/S0048-7333(99)00102-X).
 14. Kusluvan, S. (1998): *A review of theories of multinational enterprises*, D.E.Ü.İ.B.F. Dergisi, 13(1), 163–180.
 15. Monteiro, L. F., Arvidsson, N., & Birkinshaw, J. (2008): *Knowledge Flows Within Multinational Corporations: Explaining Subsidiary Isolation and Its Performance Implications*, Organization Science, 19(1), 90–107.
 16. Noailly, J., & Ryfisch, D. (2015): *Multinational firms and the internationalization of green R&D: A review of the evidence and policy implications*, Energy Policy, 83, 218–228.
 17. Rodgers, P., Khan, Z., Tarba, S., Nurgabdeshev, A., & Ahammad, M. F. (2017): *Exploring the determinants of location choice decisions of offshored R&D projects*, Journal of Business Research, (February).
 18. Thomson, R. (2013): *National scientific capacity and R&D offshoring.*, Research Policy, 42(2), 517–528.
 19. Todo, Y., & Shimizatami, S. (2005): *Overseas R & D Activities by Multinational Enterprises : Evidence from Japanese Firm-Level Data*, Institute of Economic Research, Hitotsubashi University, (91).
 20. UNCTAD. (2005): *World investment report: Transnational corporations and the internationalization of R&D*.
 21. Veliyath, R., & Sambharya, R. (2011): *R and D Investments of Multinational Corporations*. Management International Review, 51(3), pp. 407–428.

Thông tin tác giả:

PGS.TS. VŨ ANH DŨNG

Trường Đại học Việt Nhật
Đại học Quốc gia Hà Nội

Th.S. HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH

Email:

Trường Đại học Việt Nhật
hanhhh2706@gmail.com